

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày: 01 - 9 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trọng Tinh;
2. Bà Vũ Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Ông Nhâm Hoàng Long – Kiểm Sát Viên.

Vào ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1981, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị H (đều còn sống); vợ tên Lê Kim E, có 01 con sinh năm 2005; có 04 anh, chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/5/2020 đến ngày 14/5/2020 chuyển sang tạm giam. Đến ngày 03/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn giao cho gia đình bảo lãnh và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/8/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Đ (đều còn sống); vợ tên Trần Thị T, có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; có 02 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/5/2020 đến ngày 14/5/2020 chuyển sang tạm giam. Đến ngày 03/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn giao cho gia đình

bảo lãnh và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/8/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1985, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Lý Thị L (còn sống); vợ tên Nguyễn Thị Ánh T, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011; có 12 anh, chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/5/2020 đến ngày 14/5/2020 chuyển sang tạm giam. Đến ngày 03/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn giao cho gia đình bảo lãnh và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/8/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

4. Trương Văn H₁, sinh năm 1974, tại tỉnh Kiên Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú hiện nay: Nhà trọ A, ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T (đã chết) và bà Hồ Thị T (còn sống); vợ tên Nguyễn Út C, có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010; có 08 anh, chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1961, nhỏ nhất sinh năm 1979; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/5/2020 đến ngày 14/5/2020 chuyển sang tạm giam. Đến ngày 03/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn giao cho gia đình bảo lãnh và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/8/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

5. Lê Kim E, sinh năm 1984, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Huỳnh Thị U (còn sống); chồng tên Nguyễn Văn D, có 01 con sinh năm 2005; có 08 anh, chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1966, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 09/6/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Trần Thị T, sinh năm: 1992. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (vợ bị cáo T). Có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1990. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng Nguyễn Văn D và Lê Kim E thuê nhà đất của ông B tại tổ 3, ấp C, xã T, huyện B để mở tiệm kinh doanh hàng tạp hóa. Nguyễn Văn D có quan hệ bà con, họ hàng với Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H.

Trưa ngày 10/5/2020, Nguyễn Văn D dùng điện thoại di động có số thuê bao 0852.041.xxx gọi cho Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H đến tiệm tạp hóa của vợ chồng Nguyễn Văn D, Lê Kim E để đánh bạc (bài cào tó) thắng thua bằng tiền và được T và H đồng ý.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 94K1-457.xx, còn H đi bộ cùng đến tiệm tạp hóa của D để đánh bạc. Sau khi gặp nhau, D, T và H cùng vào phòng phía sau tiệm tạp hóa để đánh bài cào tó thắng thua bằng tiền, với hình thức mỗi ván bài cược từ 50.000đ đến tối đa 200.000đ, người nào có điểm bài cao nhất sẽ thắng trong ván bài đó. D dựng giường ngủ lên để che khuất tầm nhìn bên ngoài đồng thời gọi vợ là Lê Kim E vào bán cho nhóm D 01 cây bài tây loại 52 lá (01 cây bài gồm 10 bộ bài). Khi Kim E mang bài vào thì D trả tiền mua bài cho Kim E 50.000đ/cây bài. Khoảng 30 phút sau thì Trương Văn H₁ điều khiển xe mô tô biển số 68N1-281.xx đến tiệm tạp hóa của D để tìm Nguyễn Văn H trả nợ 2.000.000đ đã vay trước đó. Tại đây, sau khi trả nợ xong, H₁ nhìn thấy D, T và H đang đánh bài cào tó thắng thua bằng tiền nên xin tham gia và được D, T, H đồng ý mời H₁ cùng tham gia đánh bạc. Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày thì chị Nguyễn Thị Ánh T đến gọi chồng là H về nhà nhưng H không về nên chị T ở lại và ngồi chơi game trên điện thoại di động tại tiệm tạp hóa. Cùng thời gian này, D gọi E vào bán thêm cho cả nhóm 01 cây bài (giá 50.000đ) và 03 chai nước với giá 45.000đ. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả nhóm (D, T, H, H₁) đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an xã T, huyện B phát hiện, bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc thắng thua bằng tiền nên lập biên bản quả tang và mời D, T, H, H₁, Kim E, Ánh T về trụ sở Công an xã làm rõ.

Tang, tư vật thu giữ tại hiện trường gồm:

- Số tiền mặt thu trên chiếu bạc là 12.100.000đ;
- 19 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng và 01 bộ bài tây chưa qua sử dụng;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, màu sơn trắng, biển số 94K1-457.XX số máy JF58E0461040, số khung RLHJF5808EY575279;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AIR BLADE, màu sơn xanh, bạc, đen, biển số 68N1-271.XX, số máy JF63E2483403, số khung RLHJF6322KZ074652;
- Thu trên người của Nguyễn Văn D: Số tiền mặt 2.500.000đ cất trong ví (bóp); 01 Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lê Kim E;
- Thu trên người của Nguyễn Văn T: Số tiền mặt 8.000.000đ cất trong ví (bóp); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại F11 màu xanh-đen-xám; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, Model TA-1174, màu xanh; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T;

- Thu trên người của Nguyễn Văn H: Số tiền mặt 3.600.000đ cất trong ví (bóp); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H;

- Thu trên người của Trương Văn H₁: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại ViettelRM-1190.

Quá trình điều tra, các đối tượng đã khai nhận như sau:

- Nguyễn Văn D mang theo trong người số tiền 5.000.000đ (2.500.000đ để trước chỗ ngồi đánh bạc và 2.500.000đ để trong ví) và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc D bị thua 300.000đ. Khi lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang thì thu giữ tại vị trí ngồi của D 2.300.000đ và trong ví (bóp) 2.500.000đ.

- Nguyễn Văn T mang theo số tiền mặt 13.000.000đ nhưng chỉ sử dụng 5.000.000đ để đánh bạc, còn lại 8.000.000đ T cất trong ví (bóp) dùng để trả tiền hàng cho Công ty, không sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc T thắng được 2.100.000đ. Khi lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ tại vị trí ngồi của T số tiền 7.100.000đ và 8.000.000đ trong ví (bóp) của Toàn.

- Nguyễn Văn H mang theo số tiền mặt 5.200.000đ (bao gồm 2.000.000đ do A trả nợ và 3.200.000đ, H mang theo người), H sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc H bị thua 600.000đ. Khi lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ tại vị trí ngồi của H số tiền 1.000.000đ và 3.600.000đ trong ví (bóp) của Học.

- Trương Văn H₁ mang theo số tiền 5.000.000đ, đã trả nợ cho H 2.000.000đ, còn 3.000.000đ A sử dụng hết để đánh bạc. Quá trình đánh bạc H₁ bị thua 1.200.000đ. Khi lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ tại vị trí ngồi của H₁ số tiền 1.800.000đ.

Như vậy đã xác định được tổng số tiền Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và Trương Văn H₁ sử dụng để đánh bạc là 18.200.000đ (Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Kim E khai nhận: E không trực tiếp tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với D, T, H và H₁. Bị cáo E không ngăn cản chông là bị cáo D và T, H, H₁ đánh bạc trong nhà của mình do là giữa các bị cáo có quan hệ họ hàng với nhau đồng thời Kim E cũng bán được hàng hóa (bài tây, nước giải khát) cho các con bạc nên không phản đối cho đến khi bị bắt quả tang.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 06/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trương Văn H₁, Lê Kim E về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 76/KLHD-ĐGTS, ngày 30/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản hình sự huyện Bắc Tân Uyên xác định xe mô tô Honda – VISION, biển số 94K1-457.xx có giá trị tại thời điểm định giá là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Do tất cả các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo như sau: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ đồng; bị cáo Nguyễn Văn T từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ; bị cáo Nguyễn Văn H từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ; bị cáo Trương Văn H₁ từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ; bị cáo Lê Kim E từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 18.200.000đ; Tịch thu tiêu hủy 20 bộ bài tây loại 52 lá (19 bộ cũ đã qua sử dụng và 01 bộ chưa sử dụng) do là vật cấm lưu hành. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước các tài sản là điện thoại di động của các bị cáo dùng liên lạc với nhau để tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền bao gồm: 01 điện thoại di động hiệu OPPO –F11, màu xanh, đen, tím của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Nguyễn Văn H;

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, màu sơn trắng, biển số 94K1-457.xx, số máy JF58E0461040, số khung RLHJF5808EY575279 là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng chị Trần Thị T và bị cáo Nguyễn Văn T. Khi bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi đến nhà bị cáo D đánh bạc thắng thua bằng tiền, chị T không biết nên đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xe mô tô nói trên.

Đối với số tiền 8.000.000đ đã tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn T, đây là số tiền bị cáo T cất giữ trong ví không sử dụng vào việc đánh bạc nên đề nghị tuyên tạm giữ số tiền trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AIR BLADE, màu sơn xanh, bạc, đen, biển số 68N1-271.xx, số máy JF63E2483403, số khung RLHJF6322KZ074652 thuộc sở hữu của bị cáo Trương Văn H₁, bị cáo sử dụng làm phương tiện đến nhà của D nhằm mục đích trả nợ đã vay cho Nguyễn Văn H. Sau khi trả nợ 2.000.000đ cho H xong, bị cáo H₁ mới nảy sinh ý định đánh bạc thắng thua bằng tiền nên xe mô tô nói trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H₁ cùng các tài sản khác gồm: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh, model: TA-1174 của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, model: RM-1190 của bị cáo H₁; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen của bị cáo H không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và các giấy tờ tùy thân là chứng minh nhân dân của Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Trương Văn H₁, Lê Kim E. Ngày 10/7/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã xử lý giao trả cho các bị cáo đã xong là đúng quy định nên không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Trần Thị T khai: Xe mô tô Honda – VISION, biển số 94K1-457.xx là tài sản chung của vợ chồng chị T và bị cáo T mua vào năm 2016, giá 36.000.000đ, do Trần Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ tỉnh Bạc Liêu cấp. Ngày 10/5/2020, chị T về quê tại Bạc Liêu nên để xe mô tô nói trên tại phòng trọ. Việc T sử dụng xe mô tô nói trên đến tiệm tạp hóa của anh D, chị E đánh bạc thắng thua bằng tiền thì chị T không biết. Chị T có yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 94K1-457.xx để sử dụng.

Người làm chứng Nguyễn Thị Ánh T khai: Chiều ngày 10/5/2020, chị T đến tiệm tạp hóa của anh D, chị E nhằm mục đích gọi chồng là H về ăn cơm. Khi đến tiệm tạp hóa do H không về nên chị T ở lại tiệm tạp hóa chơi và đi giao hàng hóa cho khách phụ chị E, chị Y không tham gia đánh bạc.

Qua phân tranh luận, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội. Tất cả 05 bị cáo đều không tranh luận hoặc ý kiến khác về tội danh, mức hình phạt, biện pháp tư pháp, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ do Viện Kiểm sát đã đề nghị áp dụng với các bị cáo tại phiên tòa.

Khi thực hiện lời nói sau cùng, cả 05 bị cáo đều tỏ ra ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất để các bị cáo có điều kiện thi hành án do kinh tế gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố các cơ quan tiến hành tố tụng huyện bắc Tân Uyên (Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện Kiểm nhân dân, Kiểm sát viên) đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các thủ tục về khởi tố, điều tra, truy tố và ban hành các quyết định, văn bản trong quá trình tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được thông báo các quyết định tố tụng đầy đủ và không có ý kiến, phản đối, khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên việc điều tra, truy tố đối với các bị cáo là hợp pháp và có căn cứ.

[2] Về chứng cứ, hành vi thực hiện, vai trò của từng bị cáo trong việc thực hiện tội phạm:

Trên cơ sở lời khai nhận của các bị cáo đồng thời đối chiếu với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Ngày 10/5/2020 tại tiệm tạp hóa của vợ chồng Nguyễn Văn D, Lê Kim E thuộc ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn

H, Trương Văn H₁ đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức “đánh bài cào tó”, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 18.200.000đ (Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó: D sử dụng 5.000.000đ; T sử dụng 5.000.000đ, H sử dụng 5.200.000đ và H₁ sử dụng 3.000.000đ để đánh bạc. Hành vi của các bị cáo và số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nói trên đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Lê Kim E, không trực tiếp đánh bạc thắng thua bằng tiền với các bị cáo khác nhưng đã có hành vi sử dụng địa điểm (nhà ở) thuộc quyền quản lý của mình để cho D, T, H, H₁ đánh bạc thắng thua bằng tiền nhằm mục đích để kinh doanh, mua bán được hàng hóa cho các con bạc để thu lợi nhuận. Cụ thể Kim E đã bán cho nhóm của D, T, H và H₁ 02 cây bài tây (trương đương 20 bộ bài) trị giá 100.000đ và 03 chai nước giải khát trị giá 45.000đ nên hành vi của Kim E đã cấu thành tội “Đánh bạc” với vai trò đồng phạm giúp sức.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 06/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trương Văn H₁, Lê Kim E về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi trên đây của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Việc đánh bạc thắng thua bằng tiền của các bị cáo là hành vi vi phạm pháp luật, có thể là nguyên nhân gây đổ vỡ hạnh phúc gia đình do nợ nần, và có thể dẫn đến một số tội phạm nguy hiểm khác khi mâu thuẫn xảy ra từ sự sát phạt lẫn nhau, vì vậy Nhà nước nghiêm cấm việc đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới mọi hình thức. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc đánh bạc thắng thua bằng tiền là hành vi bị nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện nhằm thỏa mãn cho mục đích cá nhân. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, do vậy khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng đối với từng bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ về hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án một cách chính xác nhằm có tác dụng vừa giáo dục vừa răn đe các bị cáo trong thời gian chấp hành án phạt, đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn cùng nhau thực hiện tội phạm. Bị cáo Nguyễn Văn D là kẻ xúi giục, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác phạm tội. D đã sử dụng ngay chính địa điểm tiệm tạp hóa cũng là nơi ở của mình để cùng bị cáo T và bị cáo H đánh bạc thắng thua bằng tiền. Bị cáo D cũng là người có sự chuẩn bị từ trước như dọn phòng, dựng giường ngủ lên nhằm che khuất tầm nhìn từ bên ngoài để không ai nhìn thấy các bị cáo đánh bạc trong phòng (Bút lục 48, 49) và đề nghị Lê Kim E là vợ bị cáo D mang bài vào phòng để bán cho cả nhóm đánh bạc. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần phải xem xét xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo D với vai trò là kẻ rủ rê, xúi giục trong vụ án có đồng phạm so với các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo T và bị cáo H khi được bị cáo D gọi điện thoại đề xuất đến nhà D đánh bạc thắng thua bằng tiền, các bị cáo này biết rõ việc đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật bị Nhà nước cấm nhưng các bị cáo đồng ý ngay, thể hiện sự quyết tâm của các bị cáo và xem thường pháp luật. Bị cáo T và H có vai trò ngang nhau đều là kẻ giúp sức tích cực cho bị cáo D cùng thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Khi quyết định hình phạt cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo T và H nhưng mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo này nhẹ hơn so với bị cáo D.

Đối với bị cáo Trương Văn H₁ dù không được bị cáo D hoặc bị cáo T, H rủ rê đánh bạc thắng thua bằng tiền, H₁ cũng không quen biết với D và T. Bị cáo H₁ đến nhà của bị cáo D nhằm mục đích trả nợ vay cho bị cáo H 2.000.000đ, nhưng khi thấy các bị cáo khác đánh bạc thắng thua bằng tiền, bị cáo H₁ mới nảy sinh ý định phạm tội. Bản thân bị cáo biết hành vi này là vi phạm pháp luật, lẽ ra bị cáo H₁ phải tỏ thái độ can ngăn hoặc thông báo cho cơ quan chức năng xử lý. Ngược lại bị cáo H₁ đã tự nguyện xin được cùng tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền và được các bị cáo D, T, H đồng ý mời tham gia. Do vậy hành vi của bị cáo H₁ đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm và là người cùng thực hiện việc phạm tội. Số tiền bị cáo H₁ dùng để đánh bạc cũng ít hơn so với các bị cáo khác, do đó khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt đối với bị cáo H₁ sẽ nhẹ hơn so với bị cáo D, T và H.

Đối với bị cáo Lê Kim E dù không trực tiếp tham gia đánh bạc cùng D, T, H và H₁ nhưng bị cáo E biết cả nhóm trên tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền tại nơi ở và kinh doanh của mình là phạm pháp có thể ảnh hưởng đến hành vi tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nhưng bị cáo không ngăn cản hoặc thông báo cho cơ quan chức năng biết xử lý. Bị cáo E đã bất chấp pháp luật, tiếp tay, giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội thể hiện qua việc bán cho cả nhóm 02 cây bài tây loại 52 lá (tương đương 20 bộ bài) và nước giải khát phục vụ cho việc đánh bạc thắng thua bằng tiền ngay tại nơi ở của bị cáo nhằm thu tiền bán hàng hóa. Hành vi của bị cáo E đã cấu thành tội đánh bạc trong vụ án với vai trò giúp sức tích cực. Tuy nhiên bị cáo E là người sống lệ thuộc vào chồng là bị cáo D nên bị cáo E thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thứ yếu trong vụ án có đồng phạm nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo E là thấp nhất so với các bị cáo còn lại.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng nào.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cả 05 bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trương Văn H₁, Lê Kim E đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, tất cả các bị cáo đều

có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, nghĩ cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho cả 5 bị cáo D, T, H, A và E.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D có cha ruột là ông Nguyễn Văn P là người có công với Cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì và ông nội là ông Nguyễn Văn C được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Nguyễn Văn T có ông ngoại là ông Nguyễn Văn C được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Nguyễn Văn H có ông nội là ông Nguyễn Văn C được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Ngoài ra, bị cáo D, E, H, T là lao động chính trong gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (BL 277, 278, 279). Nghĩ nên áp dụng các tình tiết này để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo D, E, H và T theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Trương Văn H₁ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào quần chúng tấn công, trấn áp tội phạm được Công an tỉnh Kiên Giang tặng giấy khen (BL 168) nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo H₁.

[4] Về quyết định hình phạt: Cả 05 bị cáo thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thì các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo bản thân để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Nghĩ nên áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 20 bộ bài tây loại 52 lá, trong đó có 19 bộ đã qua sử dụng, 01 bộ chưa qua sử dụng là công cụ thực hiện tội phạm, xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO –F11, màu xanh, đen, tím của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Nguyễn Văn H là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc với nhau trong việc rủ rê đánh bạc thắng thua bằng tiền nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 18.200.000đ (mười tám triệu hai trăm nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc và trên người các bị cáo là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, màu sơn trắng, biển số 94K1-457.xx, số máy JF58E0461040, số khung RLHJF5808EY575279 là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng chị Trần Thị T và bị cáo Nguyễn Văn T. Khi bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi đến nhà bị cáo đánh bạc thắng thua bằng tiền, chị T không biết nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xe mô tô nói trên.

Đối với số tiền 8.000.000đ đã tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn T, đây là số tiền bị cáo T cất giữ trong ví không sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AIR BLADE, màu sơn xanh, bạc, đen, biển số 68N1-271.xx, số máy JF63E2483403, số khung RLHJF6322KZ074652 mang tên chủ sở hữu Trương Văn H₁, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh, model: TA-1174 của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, model: RM-1190 của bị cáo A; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen của bị cáo H và các giấy tờ tùy thân là chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Trương Văn H₁, Lê Kim E. Đây là các tài sản thuộc sở hữu và giấy tờ tùy thân của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã trả lại cho các bị cáo vào ngày 10/7/2020 là đúng quy định nên không xem xét lại.

Đối với 01 điện thoại di động có số thuê bao 0852.041.349, bị cáo D khai là điện thoại Nokia đời cũ, nút bấm sau khi gọi điện thoại cho T và H đến đánh bạc thì điện thoại bị chặn, hư hỏng không sử dụng được nên D đã vứt vào sọt rác trước nhà (BL 176), Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên không thu hồi được nên không xem xét, xử lý.

[6] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trương Văn H₁ và Lê Kim E phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

Xử phạt bị cáo Trương Văn H₁ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

Xử phạt bị cáo Lê Kim E số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 71, 72, 73, 74, 75/2020/LCĐKNCT-TA, ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy: 20 (Hai mươi) bộ bài tây loại 52 (Năm mươi hai) lá, gồm 19 (Mười chín) bộ đã qua sử dụng và 01 (Một) bộ chưa qua sử dụng;

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 18.200.000đ (Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng);

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO – F11, màu xanh, đen, tím của Nguyễn Văn T và 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Nguyễn Văn H;

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, màu sơn trắng, biển số 94K1-457.XX, số máy JF58E0461040, số khung RLHJF5808EY575279 (Không kiểm tra tình trạng bên trong máy);

- Trả lại $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, màu sơn trắng, biển số 94K1-457.XX, số máy JF58E0461040, số khung RLHJF5808EY575279 (Không kiểm tra tình trạng bên trong máy) cho chị Trần Thị T (vợ bị cáo T).

- Tạm giữ số tiền đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên và Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên tại Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Tân Uyên ngày 13/7/2020).

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trương Văn H₁ và Lê Kim E, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV27);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Công an huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

